

Bản án số: 22/2017/DS-PT

Ngày 27/12/2017

V/v “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lù Làn Din

Các Thẩm phán: Ông Phùng Chí Thiện.

Ông Hoàng Hữu Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lự Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2017/TLPT- DS ngày 30/10/2017 về việc: “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản” do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Lào Cai bị chị Nguyễn Thị T là bị đơn kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐ-PT ngày 13/11/2017 và thông báo mở lại phiên tòa số: 755/TB -PT ngày 08/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1. Ông Bùi Văn V - Sinh năm 1956

2. Bà Vũ Thị V2 - Sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Thôn L 1, xã S, huyện X, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị V2: Ông Bùi Văn V

Theo giấy ủy quyền ngày 25/5/2017. Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị Lan A - Sinh năm 1971

2. Chị Nguyễn Thị T - Sinh ngày 10/10/1986.

Cùng địa chỉ: Số nhà 427, tổ 24, đường N, phường I, thành phố C. Đều có mặt tại phiên tòa.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự:

3.1. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Trương Quốc H - Sinh năm 1965. Luật sư - Văn phòng luật sư I. Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 507, tòa nhà D, số 25, phường M, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3.2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Ông Phạm Ngọc Toàn - Sinh năm 1968. Luật sư - Công ty trách nhiệm hữu hạn luật B. Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 1, phố K, quận G, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Do có sự quen biết giữa hai gia đình ông Bùi Văn V và ông Nguyễn Trọng Th nên ông Nguyễn Trọng Th có đặt vấn đề vay tiền của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 cụ thể là từ ngày 22/3/2011 đến ngày 30/1/2012 ông Nguyễn Trọng Th đã cùng vợ là bà Nguyễn Thị Lan A, con gái là Nguyễn Thị T đã đến nhà vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 để vay tiền, tổng cộng là 17 lần, tổng số tiền trong 17 lần vay là 6.985.000.000đ (Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng) cụ thể của từng lần vay như sau:

Giấy vay lần 1: Vào ngày 22/03/2011 ông Nguyễn Trọng Th, bà Nguyễn Thị Lan A, chị Nguyễn Thị T đã vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn) thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 22/3/2011 đến ngày 22/3/2012 phải trả hết tiền gốc và tiền lãi, tiền lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng các bên cho vay và các bên vay đều ký tên, ngoài những người có tên trong giấy vay ký tên ông Nguyễn Trọng Th còn đóng dấu cả của Công ty TNHH Dược -Vật tư y tế Y (gọi tắt là Công ty).

Giấy vay tiền lần 2: Cùng trong ngày 22/3/2011 ông Nguyễn Trọng Th, bà Nguyễn Thị Lan A, chị Nguyễn Thị T đã vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng chẵn) thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 22/3/2011 đến ngày 22/3/2012 phải trả hết tiền gốc, tiền lãi, tiền lãi suất thỏa thuận trong giấy vay là 1,5%/ tháng bên vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên và đóng dấu của Công ty, bà Nguyễn Thị Lan A ký bên người làm chứng, chị Nguyễn Thị T không ký tên.

Giấy vay tiền lần 3: Cùng trong ngày 22/3/2011 ông Nguyễn Trọng Th và chị Nguyễn Thị T đã vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng chẵn) thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 17/3/2011 đến ngày 17/4/2011 phải trả hết gốc và không có thỏa thuận về lãi xuất, bên vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên và đóng dấu của Công ty, chị Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Lan A lại ký tên bên chỗ người làm chứng.

Giấy vay tiền lần 4: Ngày 28/3/2011 ông Nguyễn Trọng Th, bà Nguyễn Thị Lan A và chị Nguyễn Thị T đã vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 300.000.00đ (Ba trăm triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là 7 ngày từ ngày 28/3/2011 đến 04/04/2011 sẽ thanh toán đầy đủ tiền gốc, trong giấy vay không có thỏa thuận về lãi xuất. Ông Nguyễn Trọng Th ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty, chị Nguyễn Thị T ký phân người làm chứng.

Giấy vay tiền lần 5: Ngày 10/9/2011 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi ba triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là vay trong 01 tháng kể từ ngày 10/9/2011 đến ngày 10/10/2011 sẽ thanh toán đầy đủ tiền gốc, trong giấy vay không có thỏa thuận về lãi xuất và có ghi nếu không có khả năng thanh toán bằng tiền mặt thì bên cho vay có quyền phát mại số tài sản mà bên vay đã thế chấp: 11% Tài sản bệnh viện. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên và đóng dấu của Công ty, chị Nguyễn Thị T ký tên chỗ người làm chứng.

Giấy vay lần 6: Ngày 12/9/2011 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là vay là 15 ngày kể từ ngày 12/9/2011 đến ngày 28/9/2011 sẽ thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi, trong giấy vay không ghi mức lãi xuất cụ thể mà chỉ ghi lãi xuất thỏa thuận và có ghi nếu không có khả năng thanh toán bằng tiền mặt thì bên cho vay có quyền phát mại số tài sản mà bên vay đã thế chấp: 11% tài sản bệnh viện. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên và đóng dấu của Công ty còn chị Nguyễn Thị T không ký tên.

Giấy vay tiền lần 7: Ngày 13/9/2011 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là vay trong 15 ngày kể từ ngày 13/9/2011 đến ngày 28/9/2011 sẽ thanh toán đầy đủ tiền gốc, trong giấy vay không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên và đóng dấu của Công ty, chị Nguyễn Thị T không ký tên.

Giấy vay tiền lần 8: Ngày 25/9/2011 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 150.000.000đ (

Một trăm năm mươi triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là vay trong 10 ngày kể từ ngày 25/9/2011 đến ngày 05/10/2011 sẽ thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi, trong giấy vay không ghi mức lãi suất cụ thể chỉ ghi là lãi suất theo thỏa thuận và có ghi nếu không có khả năng thanh toán bằng tiền mặt thì bên cho vay có quyền phát mại số tài sản mà bên vay đã thế chấp: 1 phần tài sản phòng khám. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên và đóng dấu của Công ty, chị Nguyễn Thị T ký tên vào bên người làm chứng.

Giấy vay tiền lần 9: Ngày 29/9/2011 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là vay trong 06 ngày kể từ ngày 29/9/2011 đến ngày 05/10/2011 sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi, trong giấy vay không có thỏa thuận về lãi suất và có ghi nếu không có khả năng thanh toán bằng tiền mặt thì bên cho vay có quyền phát mại số tài sản mà bên vay đã thế chấp: 11% tài sản phòng khám. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên và đóng dấu của Công ty, chị Nguyễn Thị T ký tên vào bên người làm chứng.

Giấy vay tiền lần 10: Ngày 01/11/2011 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng) thỏa thuận trong giấy vay về thời hạn vay là vay trong 06 tháng kể từ ngày 01/11/2011 đến ngày 01/5/2012 sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi, trong giấy vay không có thỏa thuận về lãi suất và có ghi nếu không có khả năng thanh toán bằng tiền mặt thì bên cho vay có quyền phát mại số tài sản mà bên vay đã thế chấp: 11% tài sản phòng khám. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên và đóng dấu của Công ty, chị Nguyễn Thị T ký tên vào bên người làm chứng.

Giấy vay tiền lần 11: Ngày 29/12/2011 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là vay trong 02 tháng kể từ ngày 29/12/2011 đến ngày 29/02/2012 sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi, trong giấy vay không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty, chị Nguyễn Thị T ký tên vào bên người làm chứng.

Giấy vay tiền lần 12: Ngày 20/11/2011 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là từ ngày 20/11/2011 đến ngày 20/03/2012 sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi, trong giấy vay không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên bên

vay và đóng dấu của Công ty, người làm chứng là ông Nhâm Đ, chị Nguyễn Thị T không ký tên.

Giấy vay tiền lần 13: Ngày 19/12/2011 ông Nguyễn Trọng Th, bà Nguyễn Thị Lan A đã vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn) thỏa thuận thời hạn từ ngày 19/12/2011 đến ngày 30/12/2011 phải trả hết gốc, trong giấy vay không thỏa thuận về lãi suất và có ghi thế chấp bằng một phần tài sản của phòng khám đa khoa 8. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty, người làm chứng Nhâm Thành Đ, bà Nguyễn Thị Lan A không ký tên.

Giấy vay tiền lần 14: Ngày 19/12/2011 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 201.000.000đ (Hai trăm lẻ một triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là từ ngày 19/12/2011 đến ngày 19/03/2012 sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi, trong giấy vay không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty, người làm chứng là ông Nhâm Đ, chị Nguyễn Thị T không ký tên.

Giấy vay tiền lần 15: Ngày 28/12/2011 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 577.000.000đ (Năm trăm bảy mươi bảy triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là từ ngày 28/12/2011 đến ngày 28/05/2012 sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi, trong giấy vay không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty, người làm chứng là ông Nhâm Đ, chị Nguyễn Thị T không ký tên.

Giấy vay tiền lần 16: Ngày 07/01/2012 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 07/01/2012 đến ngày 07/03/2012 sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi, trong giấy vay không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký tên bên vay và đóng dấu của Công ty và chị Nguyễn Thị T ký tên vào phần người làm chứng.

Giấy vay tiền lần 17: Ngày 30/01/2012 ông Nguyễn Trọng Th, chị Nguyễn Thị T đã đến vay của vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 870.000.000đ (Tám trăm bảy mươi triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày vay đến ngày 30/06/2012 sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi, trong giấy vay không có thỏa thuận về lãi suất. Trong giấy vay ông Nguyễn Trọng Th ký

tên bên vay và đóng dấu của Công ty, chị Nguyễn Thị T ký tên vào phần người làm chứng

Trong 17 lần vay trên trong các giấy vay đều ghi mục đích vay để sử dụng đầu tư xây dựng phòng khám và kinh doanh thuốc tân dược và đều nhận tiền tại nhà ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2, chị Nguyễn Thị T nhận tiền và viết 15 phiếu thu của 15 lần vay trên, còn 02 lần cuối vào ngày 07/01/2012 và ngày 30/01/2012 thì không viết phiếu thu. Các phiếu thu đều do ông Nguyễn Trọng Th là thủ trưởng và chị Nguyễn Thị T là thủ quỹ ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y, lý do trong giấy vay tiền ông Nguyễn Trọng Th đóng dấu của Công ty và chị Nguyễn Thị T viết phiếu thu là để tạo niềm tin cho ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V2.

Toàn bộ số tiền vay trên ông Nguyễn Trọng Th, bà Nguyễn Thị Lan A, chị Nguyễn Thị T đã không thanh toán đúng hạn vay như đã cam kết trong các giấy vay tiền cho vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 nên ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V2 đã làm đơn tố cáo ông Nguyễn Trọng Th về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị cơ quan Công an giải quyết, đến ngày 31/7/2014 Công an tỉnh Lào Cai kết luận số 263/KLĐT kết luận chưa có đủ căn cứ để chứng minh ông Nguyễn Trọng Th có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với bà Vũ Thị V2, việc vay nợ tiền và tranh chấp trong việc thanh toán tiền giữa hai bên là tranh chấp dân sự.

Tháng 10/2016, ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V2 đã khởi kiện “Đòi lại tài sản” đối với ông Nguyễn Trọng Th nhưng do ông Nguyễn Trọng Th bị lâm bệnh nặng, nên ngày 18/10/2016 ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V2 đã rút đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân Thành phố C, tỉnh Lào Cai đã ra quyết định số: 35/2016/QĐST-DS ngày 19/10/2016 Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 5/11/2016, ông Nguyễn Trọng Th chết. Đến ngày 24/3/2017 ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 làm đơn khởi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Lan A và chị Nguyễn Thị T phải thanh toán cho ông Vược, bà Vẻ tổng số tiền vay là 6.985.000.000đ (Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng). Cụ thể bà Nguyễn Thị Lan A phải trả số tiền là 3.492.500.000đ (Ba tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng); chị Nguyễn Thị T phải thanh toán cho ông Bùi Văn Vược, bà Vũ Thị V2 số tiền là 3.492.500.000đ (Ba tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại các phiên hòa giải và bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày như sau: Toàn bộ các khoản vay trong tất cả các giấy vay tiền của ông Nguyễn Trọng Th với vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 đều do ông Nguyễn Trọng

Th vay vì lúc đấy ông Nguyễn Trọng Th làm giám đốc Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y vay để xây dựng Phòng khám đa khoa 8 chứ không phải vay để mang về gia đình sử dụng vào mục đích cá nhân. Chị Nguyễn Thị T cho rằng giữa ông Nguyễn Trọng Th và ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 đã ký kết tại văn phòng công chứng số 2 về việc xác nhận công nợ và cam kết trả nợ tại văn phòng công chứng số 2 tỉnh Lào Cai ngày 13/01/2012, hai bên đã xác nhận toàn bộ khoản nợ là do ông Nguyễn Trọng Th vay, không liên quan đến cá nhân chị Nguyễn Thị T. Đến nay chị Nguyễn Thị T cho rằng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 khởi kiện bằng những giấy tờ mà ông Nguyễn Trọng Th và ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 đã thống nhất với nhau là không còn giá trị pháp lý. Vì vậy Chị Nguyễn Thị T không nhất trí như yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 về việc buộc chị Thảo và bà Nguyễn Thị Lan A phải trả cho ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 6.985.000.000đ (Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng). Cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị T phải thanh toán số tiền là 3.492.500.000đ (Ba tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị T không nhất trí trả cho vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 khoản tiền trên.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Lan A về ở với ông Nguyễn Trọng Th từ năm 1996 có 01 người con chung đến năm 2005 ông Nguyễn Trọng Th, thành lập Công ty TNHH Dược- Vật tư y tế Y. Trong quá trình kinh doanh ông Nguyễn Trọng Th có vay của gia đình ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 khoản tiền để đầu tư phòng khám 8 trong một số giấy vay tiền giữa ông Nguyễn Trọng Th và ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2, bà Nguyễn Thị Lan A có ký vào phần chỗ người làm chứng, lý do bà Nguyễn Thị Lan A ký vào chỗ người làm chứng là do ông Bùi Văn V nói phải có vợ là Nguyễn Thị Lan A ký thì mới cho vay. Sau đó ông Nguyễn Trọng Th vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 đã cùng nhau ra văn phòng công chứng Z để làm văn bản xác nhận nợ và cam kết thanh toán nợ. Đến nay ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố C yêu cầu bà Nguyễn Thị Lan A và chị Nguyễn Thị T phải trả cho vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 số tiền là 6.985.000.000đ (Sáu tỷ chín trăm tám mươi năm triệu đồng). Cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Lan A phải thanh toán số tiền vay là 3.492.500.000đ (Ba tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Lan A cho rằng tất cả các khoản tiền ông Nguyễn Trọng Th vay của ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 là vay cho Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y, không phải vay cá nhân cho gia đình. Vì vậy Bà Nguyễn Thị Lan A không nhất trí trả cho vợ chồng ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 khoản tiền trên

Bản án sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 164; Điều 166 - Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2.

Buộc bà Nguyễn Thị Lan A phải thanh toán số tiền 1.110.000.000đ (Một tỷ một trăm mười triệu đồng) cho ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải thanh toán số tiền 1.942.500.000đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải thanh toán là : 3.932.500.000đ (Ba tỷ chín trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/10/2017, bị đơn chị Nguyễn Thị T kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề về chứng nhận nợ, làm rõ tư cách của chị Thảo trong các thỏa thuận vay là người làm chứng hay là bên vay cùng khoản nợ, cũng như các căn cứ pháp luật giải quyết vụ án.

Ngày 25/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai kháng nghị tại Quyết định số 23/VKS-P9 ngày 25/10/2017 với nội dung:

Trong tất cả các giấy vay tiền chỉ có ông Nguyễn Trọng Th là người ký vào bên người vay tiền, và đóng dấu công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y, còn bà Nguyễn Thị Lan A và chị Nguyễn Thị T không ký hoặc chỉ ký vào phần người làm chứng. Trong các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Lan A và chị Nguyễn Thị T đều cho rằng việc ông Nguyễn Trọng Th vay tiền của ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V2 là để đầu tư xây dựng công trình phòng khám 8 chứ không liên quan đến bà Nguyễn Thị Lan A và chị Nguyễn Thị T. Hơn nữa tại văn bản xác nhận nợ và cam kết thanh toán nợ giữa bên chủ nợ là ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V2 với bên nợ là Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Trọng Th đã cùng nhau xác nhận các khoản nợ của

công ty đến ngày 13/01/2012 là 6.115.000.000đ (Sáu tỷ một trăm mười lăm triệu đồng), văn bản có xác nhận của phòng công chứng Z ngày 13/1/2012.

Đến ngày 5/11/2016 ông Nguyễn Trọng Th chết và không để lại tài sản gì cho nên bà Nguyễn Thị Lan A và chị Nguyễn Thị T không được hưởng tài sản thừa kế nào của ông Thành để lại nên không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V2.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người thừa kế của ông Nguyễn Trọng Th và Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y, Văn phòng công chứng Z tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa chị Thảo mới biết mình là thành viên có cổ phần 2,4% trong đăng ký kinh doanh nhưng chưa được điều tra làm rõ. Như vậy là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bị đơn: Các chứng cứ trong hồ sơ đều thể hiện các khoản vay được sử dụng cho mục đích kinh doanh của Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y. Bà Nguyễn Thị Lan A và chị Nguyễn Thị T có ký tên trong một số giấy vay tiền với tư cách người làm chứng, nhưng Tòa cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Lan A phải thanh toán số tiền 1.110.000.000đ (Một tỷ một trăm mười triệu đồng) cho ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2; buộc chị Nguyễn Thị T phải thanh toán số tiền 1.942.500.000đ (Một tỷ chín trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Bùi Văn V, bà Vũ Thị V2 là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Thị V2; Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử theo hướng sửa án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Xác định từ 22/3/2011 đến ngày 30/1/2012 ông Nguyễn Trọng Th vay của ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V2 tổng số 17 lần với số tiền vay 6.985.000.000đ (Sáu tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng) với mục đích kinh doanh và đầu tư xây dựng công trình phòng khám 8 do ông Nguyễn Trọng Th làm giám đốc. Trong tất cả các giấy vay tiền chỉ có ông Nguyễn Trọng Th là người ký vào bên người vay tiền, và đóng dấu công ty TNHH dược vật tư y tế Y, còn bà Nguyễn Thị Lan A và chị Nguyễn Thị T thì có một số giấy không ký hoặc chỉ ký vào phần người làm chứng. Có 04 giấy vay tiền ngày 20/11/2011, ngày 19/12/2011 (hai giấy) và ngày 28/12/2011 ông Nguyễn Trọng Th ký người vay còn người làm chứng là ông Nhâm Đ và Nhâm Thành Đ.

Trong 17 lần vay thì 15 lần có viết phiếu thu do thủ trưởng đơn vị là ông Nguyễn Trọng Th và thủ quỹ là chị Nguyễn Thị T ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y.

[2] Tại văn bản xác nhận nợ và cam kết thanh toán nợ ngày 13/01/2012, tại Văn phòng công chứng Z đã ghi: Bên nợ là Công ty TNHH Dược – Vật tư y tế Y, Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Trọng Th còn nợ tổng số tiền là 6.115.000.000 đồng.

Tại Văn bản thỏa thuận ngày 06/12/2013, ông Nguyễn Trọng Th - Giám đốc Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y và bà Vũ Thị V2 cũng đã thỏa thuận thống nhất chốt số nợ là 4.750.000.000 đồng. Và thống nhất sẽ góp số nợ này vào cổ phần tại Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y theo hình thức cổ phần hóa theo đúng Luật Doanh nghiệp.

Trong các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Lan A, chị Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn V đều cho rằng việc ông Nguyễn Trọng Th vay tiền của ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V2 là để đầu tư xây dựng công trình phòng khám 8 và mua thuốc tân dược để kinh doanh là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ mà

ông V và bà V2 đã giao nộp cho Tòa án như các giấy thỏa thuận vay tiền và các phiếu thu (Bút lục 71 đến 82 và 122 đến 153).

[3] Tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 388/TNHH ngày 23/3/2011 thì Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y gồm có 02 thành viên trong đó phần vốn góp của ông Nguyễn Trọng Th là 97,6% và chị Nguyễn Thị T là 2,4%, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trọng Th - Chức danh: Giám đốc. (Bút lục 166)

Tại Công văn số 10 ngày 22/6/2017 phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lào Cai cung cấp về tình trạng hoạt động trên hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia: Công ty TNHH Dược – Vật tư y tế Y: Đang hoạt động (tạm thời bị khóa). Như vậy chưa có đủ căn cứ cho rằng Công ty đã chấm dứt hoạt động hay bị giải thể.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y gồm có 02 thành viên có phần vốn góp là ông Nguyễn Trọng Th và chị Nguyễn Thị T, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trọng Th. Tuy nhiên ngày 5/11/2016 ông Nguyễn Trọng Th đã chết, căn cứ Điều 54 và Điều 56 Luật Doanh Nghiệp quy định thì chị Nguyễn Thị T sẽ là người thừa kế theo pháp luật nên chị Nguyễn Thị T là người đại diện cho Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền vay của ông Bùi Văn V và bà Vũ Thị V2.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH Dược - Vật tư y tế Y tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn một số thiếu sót như: Tại một số giấy thỏa thuận vay tiền còn có ông Nhâm Đ và ông Nhâm Thành Đ ký tên người làm chứng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra xác minh để làm rõ đối với ông Nhâm Đ và ông Nhâm Thành Đ có biết gì về việc ông Nguyễn Trọng Th đi vay tiền, mục đích ông Th vay tiền về để sử dụng vào công việc gì và lý do gì ông Nhâm Đ và ông Nhâm Thành Đ lại ký vào phần người làm chứng.

Tại văn bản xác nhận nợ và cam kết thanh toán nợ ngày 13/01/2012 thì hai bên đã xác nhận số nợ còn lại là 6.115.000.000đ, tại Văn bản thỏa thuận ngày 06/12/2013 thì số nợ còn lại là 4.750.000.000đ, tại đơn khởi kiện thì số nợ lại là 6.985.000.000đ. Như vậy tổng số nợ tại các văn bản đã nêu có sự mâu thuẫn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không điều tra xác minh để làm rõ.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm điều tra không đầy đủ và không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng là thiếu sót

đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH

1-Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Lào Cai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2-Về án phí: Chị Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí phúc thẩm và được hoàn lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp tại biên lai số: 0004673 ngày 23/10/2017 tại Chi cục thi hành án thành phố C. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh 2;
- TAND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lù Làn Din

